

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2021

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị
xã A.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia
phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình
Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2020/TLST-HNST ngày 16
tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX ST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021,
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ T sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2020, các văn bản tố tụng khác và tại
phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Ngọc
P tổ chức cưới hỏi vào tháng 6/1999, trước khi cưới có tìm hiểu khoảng 03
tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã N1
cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống phía gia đình phía chị ở Gia Lai, đến năm 2008
thì vợ chồng về xây dựng nhà và sống tại thôn N, xã N1 cho đến nay. Cuộc sống
vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do thời gian tìm hiểu ngắn, tính tình
không hợp nhau, anh P lười lao động, ham mê bài bạc, không quan tâm đến gia
đình nên vợ chồng thường lời qua tiếng lại. Anh nóng tính đập phá tài sản trong
nhà. Ngoài ra, vợ chồng còn có những mâu thuẫn lặt vặt hàng ngày. Gia đình có

động viên nhưng anh vẫn tính nào tạt nấy, hiện anh vẫn còn nợ tiền do cờ bạc. Vợ chồng tuy ở chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, chị và anh P không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 4/2020 đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với chồng nữa, nay yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày: 26/6/2000 và Nguyễn Phương V, sinh ngày 06/6/2009. Cháu M đã trưởng thành, sức khỏe bình thường còn cháu V đang ở cùng vợ chồng. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, chị mua bán hàng nước giải khát, thu nhập bình quân hàng tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 19/01/2021 và các văn bản tố tụng khác bị đơn anh Nguyễn Ngọc P trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Mỹ T kết hôn năm 1999, có thời gian tìm hiểu ngắn, tự nguyện đi đến hôn nhân, có Giấy đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh ham chơi với bạn bè, ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ buồn bực thường phàn nàn. Vợ chồng không ai nhường nhịn ai. Mặt khác, do dịch bệnh nên ảnh hưởng công việc làm, kinh tế càng khó khăn hơn. Vợ chồng sống ly thân từ 4/2020 cho đến nay. Hiện anh còn tình cảm với chị T, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày: 26/6/2000 và Nguyễn Phương V, sinh ngày 06/6/2009. Cháu M đã trưởng thành sức khỏe bình thường còn cháu V đang ở cùng vợ chồng. Ly hôn, anh yêu cầu nuôi cháu V, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh làm nghề lái xe, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, các Hội thẩm, Thư ký và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn anh Nguyễn Ngọc P không chấp hành nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Mỹ T cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Phương V, sinh ngày 06/6/2009 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P vì chị T không yêu cầu. Cháu Nguyễn Thị Kiều M đã trưởng thành, miễn xét.

Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh P không yêu cầu giải quyết về tài chung.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Huỳnh Thị Mỹ T yêu cầu cho chị được ly hôn với anh P và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh P đang cư trú tại xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc P tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyển số 01 ngày 19/02/2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng do anh P ham chơi cờ bạc gây nợ nần, ảnh hưởng kinh tế gia đình. Vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ tháng 4/2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là do anh P tham gia cờ bạc và nợ nần. Thời gian gần đây, anh P không còn ăn uống chung với vợ con. Qua lời khai của anh P, anh không đồng ý ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải anh cũng không đến Tòa, ở nhà anh cũng không có phương hướng, kế hoạch để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình...*”. Qua phân tích mâu thuẫn vợ chồng và viện dẫn những quy định pháp luật ở trên, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh chị thật sự đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2.] Xét về yêu cầu nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày: 26/6/2000 và Nguyễn Phương V, sinh

ngày 06/6/2009. Cháu M đã trưởng thành sức khỏe bình thường còn cháu V đang ở cùng vợ chồng. Chị T và anh P đều có yêu cầu nuôi người con chung là cháu V. Việc nuôi con căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, xem xét các điều kiện, bảo đảm việc học hành và các điều kiện về thể chất đủ cho việc sinh hoạt, và phát triển tốt về tinh thần các con. Thời gian qua cháu V ở cùng với vợ chồng anh chị nhưng chị T là người trực tiếp chăm sóc và lo chi phí học hành. Theo lời trình bày của cháu V cũng mong muốn được ở với mẹ. Hiện chị T có việc làm, có thu nhập ổn định. Qua phân tích trên, HĐXX xác định giao người con chung là cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù Tòa giải thích về quyền lợi của con và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng chị T xác định hiện chị sức khỏe bình thường, đang làm nghề mua bán, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chi phí nuôi dưỡng, cho con, không yêu cầu cấp dưỡng, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh P.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh P không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Mỹ T ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày: 26/6/2000, đã trưởng thành nên miễn xét, còn người con tên Nguyễn Phương V, sinh ngày 06/6/2009 giao cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu V cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh P do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh P không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001489 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Mỹ T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N1;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Kiều Oanh